

Bản án số: 84/2023/DS-ST

Ngày: 26/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện – Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST – DS ngày 06/4/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST – DS ngày 16/6/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST – DS ngày 07/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 101a/2023/QĐST – DS ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1964 – có mặt

Bà Dương Thị S, sinh năm 1968 – vắng mặt

Địa chỉ: tổ dân phố ĐT, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Bà S ủy quyền cho chồng là ông Nguyễn Bá H tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 – vắng mặt

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984 – có mặt

Địa chỉ: tổ dân phố ĐT, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị D là Luật sư Đặng Văn T1 - Thuộc văn phòng luật sư A Việt Yên - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang – có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Bá H, bà Dương Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong khoảng thời gian từ ngày 28 tháng 11 năm 2022(âm lịch) đến ngày 28/12/ 2022 (âm lịch), vợ chồng ông có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị D vay 10 lần với tổng số tiền là: 13.100.000.000 đồng (Mười ba tỷ một trăm triệu đồng chẵn). Cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 28/ 11/ 2022(Âm lịch) vay 2.000.000.000 đồng.
- Ngày 07/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 2.000.000.000 đồng.
- Ngày 11/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng.
- Ngày 15/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 19/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 900.000.000 đồng.
- Ngày 20/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 2.400.000.000 đồng.
- Ngày 21/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 1.500.000.000 đồng.
- Ngày 22/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 26/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 600.000.000 đồng.
- Ngày 28/ 12/ 2022 (Âm lịch) vay 1.400.000.000 đồng.

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất của các lần vay này đều là 3,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Mục đích vay là để anh C, chị D đáo xỏ ngân hàng. Do anh C, chị D không trả nên vợ chồng ông đã xuống nhà đòi anh C, chị D nhiều lần. Ngày 09/01/2023 âm lịch anh C, chị D trả được 650 triệu đồng cho mã vay ngày 28/11/2022 âm lịch. Ngày 16/01/2023 âm lịch chị D trả tiếp cho tôi được 100 triệu đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông để trả cho khoản vay ngày 28/11/2022 âm lịch. Tổng số vợ chồng anh C, chị D mới trả cho ông được 750.000.000 đồng. Còn lại 12.350.000.000 đồng

Do vậy, vợ chồng ông làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị D phải thanh toán trả cho vợ chồng ông số tiền vay còn lại là 12.350.000.000 đồng và phải trả cho vợ chồng ông tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay đến khi tòa án xét xử. Tính đến ngày ông làm đơn khởi kiện tiền lãi vào khoảng 525.000.000 đồng tiền lãi. Vậy tính cả gốc và lãi đến nay vợ chồng anh C, chị D phải trả cho vợ chồng ông tạm tính số tiền là:13.025.000.000 đồng(Mười ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Bị đơn anh C không có lời khai với tòa án, tòa án đến nhà anh C để lấy lời khai anh C nhưng anh C không hợp tác, không khai báo, không ký vào biên bản làm việc, lấy lời khai của của Tòa án.

Chị D trình bày: Khoảng năm 2019 chị có biết ông H là người cho vay tiền. Vì có nhu cầu kinh doanh nên chị đã ngỏ ý muốn vay tiền của ông H. Khi vay tiền chị có thế chấp một số tài sản của mình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2019 đến năm 2022 thì chị có vay tiền nhiều lần của ông H. Sau đó cũng đã trả đủ gốc và lãi cho ông H thì hai bên đã hủy giấy vay cũ đi và viết lại giấy vay mới. Đến khoảng tháng 12/2022 âm lịch khi chốt sổ nợ cũ với ông H chị có viết giấy vay mới cho ông H. Tuy nhiên, do kinh doanh khó khăn nên hiện tại chị mới trả được cho ông H số tiền là 750 triệu đồng tiền gốc. Còn lãi vẫn trả đều đặn. Trước khi ông H đi khởi kiện khoảng 1 tháng thì chị dừng đóng tiền lãi cho ông H. Hiện chị chưa có khả năng trả khoản nợ gốc và lãi cho ông H. Tại phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và

hòa giải chị D thừa nhận các khoản nợ, mức lãi và số tiền đã trả như ông H trình bày là đúng. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị D thì chị D khẳng định số tiền mà ông H đang khởi kiện là khoản vay gốc, không có việc cộng tiền lãi vào khoản vay này. Chị thừa nhận các khoản vay mà ông H đang khởi kiện vợ chồng chị là khoản vay gốc, chị chưa trả được khoản tiền lãi nào của khoản vay này. Chị D thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền trong các giấy vay tiền mà ông H đang khởi kiện vợ chồng chị là chị ký, chữ Viết của chị và anh C.

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Bá H trình bày: Ông cho vợ chồng anh C, chị D vay tiền làm 10 lần với tổng số tiền là 13.100.000.000 đồng với lãi suất là 3,9%/năm. Chị D, anh C trả được cho ông hai lần tiền gốc, một lần vào ngày 09/01/2023 âm lịch trả được 650 triệu đồng, ngày 16/01/2023 âm lịch trả được 100 triệu đồng. Hai lần trả tiền này đều trả cho khoản vay ngày 28/11/2022 âm lịch. Về tiền lãi thì chị D, anh C chưa trả cho ông được bất kỳ một khoản nào. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả trong giấy nhưng thỏa thuận miệng là đến ngày 06/01/2023 âm lịch – tức là ngày đi làm đầu tiên sau kỳ nghỉ tết nguyên đán anh C, chị D phải thanh toán trả cho ông. Sau đó ông đã đòi anh C, chị D nhiều lần thì chị D mới trả cho ông được hai lần như trên. Nay ông yêu cầu chị D, anh C phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc còn lại là: 12.350.000.000 đồng và tiền lãi với mức là 20%/năm từ khai vay đến khi Tòa án xét xử. Đối với yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Luật sư T1 thì ông không đồng ý. Ông cũng không đồng ý với phương án sang tên các thửa đất đã thế chấp để trừ toàn bộ nợ gốc. Ông không đồng ý với việc bị đơn chị D đề nghị miễn tiền lãi cho vợ chồng chị.

- Chị D trình bày:

Về các lần vay, số tiền vay, mức lãi thỏa thuận cùng các lần trả ông H trình bày là đúng. Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, ông H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng vay giữa hai bên. Các lần trả tiền thì do ông H đòi nên chị trả tiền vay. Ông H có đòi chị nhiều lần trước khi khởi kiện. Anh C là chồng chị có ký vào giấy vay tiền. Chị vay tiền với mục đích là để đáo sổ ngân hàng. Chị đề nghị được chuyển các tài sản đã thế chấp để trừ nợ gốc, về tiền lãi chị đề nghị ông H miễn cho chị vì hiện nay chị đang khó khăn về kinh tế.

Luật sư T1 trình bày: Về số tiền gốc vay và các lần trả hai bên đều thừa nhận nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả tiền gốc. Đối với số tiền lãi thì phía bị đơn không nhất trí, đề nghị HĐXX buộc ông H, bà S phải trả cho bị đơn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hiện nay ông H, bà S đang giữ của bị đơn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử

Áp dụng Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà S buộc vợ chồng anh C, chị D phải trả cho vợ chồng ông H, bà S số tiền gốc là: 12.350.000.000 đồng và tiền lãi mức là 20%/năm từ khi vay đến khi Tòa án xét xử.

Về án phí: Ông H, bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh C, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Bá H, bà Dương Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trả số tiền vay và tiền lãi. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H, bà S cho vợ chồng anh C, chị D vay tiền làm 10 lần. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai của Tòa án chị D cũng thừa nhận số tiền gốc vay và quá trình trả nợ như ông H trình bày là đúng. Chị D thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền trong các giấy vay tiền này là của vợ chồng chị. Chị D xác định đến nay chị chưa thanh toán được một khoản tiền lãi nào cho ông H, bà S ngoài khoản tiền 750 triệu tiền gốc đã trả cho ông H, bà S. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 3,9%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Tại phiên tòa, ông H cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là đến ngày 06/01/2023 âm lịch là ngày đi làm đầu tiên nhưng chị D không thừa nhận việc này. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông H với vợ chồng anh C, chị D là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự thì ông H, bà S có quyền đòi lại tài sản bất kỳ khi nào. Ông H, bà S đã đòi chị D, anh C nhiều lần, chị D cũng thừa nhận ông H đòi tiền chị nhiều lần nên chị mới trả tiền ông H. Đến nay, chị D anh C chưa thanh toán trả hết tiền cho ông H, bà S là vi phạm nghĩa vụ của người vay tiền, chị D, anh C đã bị ông H đòi nhiều lần trước khi khởi kiện điều này chứng tỏ việc chị D, anh C được thông báo việc đòi nợ trước khi ông H, bà S đi khởi kiện. Do vậy, việc ông H, bà S khởi kiện là không vi phạm quy định của pháp luật.

Tổng số tiền anh C, chị D đã vay của ông H, bà S là 13.100.000.000 đồng, anh C, chị D đã trả được 750 triệu đồng, còn nợ lại là 12.350.000.000 đồng. Đến nay, anh C, Chị D vẫn chưa trả được hết số tiền gốc còn lại cho ông H, bà S là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ quy định tại Điều 352, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 anh C, Chị D phải có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H, bà S tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, ông H, bà S khởi kiện yêu cầu anh C, chị D phải trả tiền gốc còn lại và tiền lãi là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Áp dụng pháp luật về tính lãi về mức tính lãi, thời gian tính lãi, HĐXX thấy:

Trong giấy vay tiền giữa hai bên thỏa thuận về mức lãi suất là 3,9%/tháng. Tại buổi hòa giải, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa chị D cũng thừa nhận việc này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự thì các bên chỉ được phép thỏa thuận lãi suất cho vay tối đa là 20%/năm tương đương là 1,667%/tháng. Do vậy, việc thỏa thuận lãi suất như vậy của các bên là cao hơn mức pháp luật cho phép nên bị vô hiệu đối với phần cao hơn. Nay ông H, bà S yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm là đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Ông H, bà S yêu cầu tính lãi từ khi vay đến khi xét xử. Tòa án đã quy đổi ngày vay là ngày âm lịch, sang ngày dương lịch và tính tiền lãi của các khoản vay đến ngày xét xử là ngày 26/7/2023 như sau:

Khoản vay ngày 28/11/2022 âm lịch tức là ngày 21/12/2022 dương lịch đến ngày 30/01/2023 (ngày trả số tiền 650 triệu) thì tiền lãi là: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 29 \text{ ngày} = 32.222.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 06/02/2023 số tiền lãi của khoản vay này là: $1.350.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 7 \text{ ngày} = 5.250.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay ngày 07/12/2022 âm lịch tức là ngày 29/12/2022 dương lịch đến ngày 06/02/2023 số tiền lãi là: $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 38 \text{ ngày} = 42.222.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay ngày 11/12/2022 âm lịch tức là ngày 02/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 35 \text{ ngày} = 5.833.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay ngày 15/12/2022 âm lịch tức là ngày 06/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 1 \text{ tháng} = 16.667.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 19/12/2022 âm lịch tức là ngày 10/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $900.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 12.500.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 20/12/2022 âm lịch tức là ngày 11/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày} = 32.000.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 21/12/2022 âm lịch tức là ngày 12/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 23 \text{ ngày} = 19.167.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 22/12/2022 âm lịch tức là ngày 13/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 22 \text{ ngày} = 12.222.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 26/12/2022 âm lịch tức là ngày 17/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 18 \text{ ngày} = 6.000.000 \text{ đồng}$

Khoản vay ngày 28/12/2022 âm lịch tức là ngày 19/01/2023 dương lịch đến ngày 06/02/2023 là: $1.400.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 16 \text{ ngày} = 12.444.000 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi của các khoản vay đến ngày 06/02/2023 dương lịch là: 196.528.000 đồng

Khoản lãi của khoản nợ gốc gốc còn lại từ ngày 07/02/2023 đến ngày Tòa án xét xử 26/7/2023 là: $12.350.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 5 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 1.159.521.112 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi của khoản vay đến ngày Tòa án xét xử là: 1.356.049.112 đồng

Vì vậy, cần buộc anh C, Chị D phải trả cho ông H, bà S số tiền gốc là 12.350.000.000 đồng đồng và số tiền lãi là: 1.356.049.112 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh C, chị D phải trả cho ông H, bà S là: 13.575.694.000 đồng.

- Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết trước khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H bà S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị D là vượt quá phạm vi giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này khi Anh C, chị D có quyền bằng một vụ án dân sự về việc buộc ông H, bà S trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông H, bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông H, bà S tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh C, Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112 triệu + (13.9.575.694.000 đồng $\times 0,1\%$ = 121.575.694 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H, bà Dương Thị S. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nguyễn Bá H, bà Dương Thị S số tiền gốc là 12.350.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là: 1.356.049.112 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, hàng tháng anh C, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền lãi, hàng tháng anh C, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh C, chị D phải chịu 121.575.694 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn sáu trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Bá H, bà Dương Thị S 60.462.500 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002626 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

(đã ký)

Đặng Văn Chức